

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Quyết Liên tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quyết Liên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2964/QĐ-UBND ngày 06/08/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Quyết Liên tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Văn bản số 6634/STNMT-BVMT ngày 01/8/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Quyết Liên tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quyết Liên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 684/Tr-STNMT ngày 11/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Quyết Liên (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quyết Liên (sau đây gọi

là Chủ dự án) thực hiện tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Quyết Liên của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quyết Liên thực hiện tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa; Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quyết Liên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND phường Quảng Thành, TP Thanh Hóa;
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Quyết Liên tại phường Quảng
Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Quyết Liên.
- Địa điểm thực hiện: Phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quyết Liên.
- + Đại diện: Ông Lê Văn Quyết - Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ liên hệ: Số nhà 41, đường 69, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi, quy mô: Dự án Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Quyết Liên được xây dựng trên khu đất thuộc địa giới hành chính phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá với tổng diện tích 3.640,0 m²; trong đó, đất nhà dịch vụ thương mại tổng hợp: 1.053 m²; đất nhà nghỉ nhân viên, nhà kho: 266,5 m²; đất công trình phụ trợ (nhà để xe, nhà trực): 291,5 m²; đất sân đường nội bộ: 1.420,0 m²; đất cây xanh, cảnh quan: 609 m².

- Loại hình kinh doanh dự án: Khu dịch vụ thương mại tổng (trung bày, giới thiệu, kinh doanh các sản phẩm điện dân dụng, đồ nội thất, hàng dân dụng).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình:
 - + Các hạng mục công trình chính: 01 Nhà dịch vụ thương mại tổng hợp (diện tích xây dựng 1.053 m², quy mô tầng cao: 7 tầng); 01 Nhà nghỉ nhân viên, kho chứa (diện tích 266,5 m²);
 - + Các hạng mục công trình phụ trợ: Nhà bảo vệ, nhà để xe, sân đường nội bộ, hạng mục cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc,...;
 - + Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thoát nước mưa, nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất: 15 m³/ngày đêm); kho chứa chất thải.
- Hoạt động của dự án:
 - + Xây dựng các công trình phục vụ Dự án;
 - + Vận hành Dự án: Trưng bày, giới thiệu, kinh doanh các sản phẩm điện dân dụng, đồ nội thất, hàng dân dụng.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích 8.831,41m² theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát quang thực vật, san nền, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động nhập, xuất sản phẩm kinh doanh, trưng bày tại dự án; sinh hoạt của cán bộ nhân viên, khách giao dịch tại dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn xây dựng:

3.1.1. Các tác động môi trường chính:

- Tác động đến môi trường nước: Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, nước vệ sinh máy móc, thiết bị.

- Tác động đến môi trường không khí: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển, thiết bị máy móc thi công.

- Tác động do chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công; chất thải rắn phát quang; đất rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

- Tác động do chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng nhỏ các máy móc, thiết bị phục vụ thi công.

- Tác động do tiếng ồn, độ rung và các sự cố môi trường: cháy nổ, ngập lụt, tai nạn giao thông, tai nạn lao động,...

3.1.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình tắm rửa, giặt giũ và từ nhà vệ sinh trong khoảng 2,24 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển... phát sinh khoảng 4,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

3.1.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng,.... Thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

3.1.4. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 27 kg/ngày trong quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá 7,003 tấn; mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha, bao bì xi măng các loại: 26,5 tấn.

+ Đất vận chuyển đổ thải 1.112 m^3 tương ứng 1.556,8 tấn.

3.1.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 67,2 kg/quá trình thi công. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy; dầu, mỡ thải.

- Chất thải lỏng nguy hại khoảng 138 lít/quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là dầu nhớt từ quá trình thay dầu máy móc, thiết bị phục vụ thi công.

3.2. Giai đoạn vận hành:

3.2.1. Các tác động môi trường chính:

- Tác động đến môi trường nước: Nước mưa chảy tràn, nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên tại dự án.

- Tác động đến môi trường không khí: Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án, hoạt động vận hành máy phát điện... thông số ô nhiễm đặc trưng của bụi, khí thải gồm: CO, NO₂, SO₂,...

- Tác động do chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại dự án và khách giao dịch tại dự án; chất thải rắn từ hoạt động kinh doanh, trưng bày sản phẩm tại dự án.

- Tác động do chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên, khách vắng lai; quá trình bảo dưỡng thiết bị máy móc của dự án.

- Tác động do tiếng ồn phát ra từ động cơ và do sự rung động của các bộ phận xe, máy móc, tiếng ồn từ ống xả, ống khói, tiếng ồn do đóng cửa xe, còi xe, tiếng rít phanh.

3.2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

Nước thải từ hoạt động của cán bộ, nhân viên, khách giao dịch tại dự án có lưu lượng khoảng $10,9 \text{ m}^3$ /ngày đêm (nước thải từ quá trình rửa tay chân, giặt quần áo $5,45 \text{ m}^3$ /ngày đêm; nước thải nhà vệ sinh: $5,45 \text{ m}^3$ /ngày đêm). Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform,...

3.2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án, hoạt động vận hành máy phát điện... thông số ô nhiễm đặc trưng của bụi, khí thải gồm: CO, NO₂, SO₂,....

3.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt thông thường phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại dự án và khách vắng lai tới giao dịch tại dự án có khối lượng là $154,5 \text{ kg}$ /ngày đêm. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn thông thường là từ hoạt động kinh doanh, trưng bày tại dự án khoảng 10 kg /ngày. Thành phần chủ yếu: thùng giấy, túi nilon, dây buộc, hợp chất nhựa, Plastic, PVC, thủy tinh,...

3.2.5. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ dự án chủ yếu là chất thải rắn nguy hại từ quá trình bảo dưỡng thiết bị, máy móc với tổng khối lượng khoảng 15 kg/ngày. Thành phần bao gồm: pin, bóng đèn neon, ắc quy...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Giai đoạn xây dựng:

4.1.1. Công trình biện pháp thu gom và xử lý nước thải:

a. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải rửa tay chân, tắm giặt giai đoạn xây dựng: Bố trí 01 hố lắng thể tích 9,0 m³ (kích thước 3m x 2m x 1,5m; đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm) để thu gom, xử lý. Nước thải sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động để thu gom nước thải vệ sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, đưa đi xử lý định kỳ.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng

Bố trí 01 hố lắng tạm thể tích 9m³/hố (kích thước 3,0m x 2m x 1,5m; đáy và thành được lót bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm) để thu gom nước thải rửa xe, nước thải rửa dụng cụ thi công. Nước thải sau lắng được tái sử dụng lại một phần phục vụ rửa xe, máy móc, tưới đường đập bụi, phần còn lại thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

4.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phun nước tạo ẩm, giảm bụi phát tán trong khu vực thi công, sử dụng xe để tưới nước làm ẩm khu vực thực hiện dự án, làm đến đâu, tưới ẩm đến đó; đặc biệt khu vực đi qua dân cư trên tuyến đường Đại lộ Hùng Vương (gần khu vực dự án) và tuyến đường liên xã; nước dùng để làm ẩm được lấy từ kênh mương nội đồng của khu đất thực hiện dự án.

- Các chất thải phát sinh từ giai đoạn triển khai xây dựng không đốt tại khu vực dự án.

- Các máy móc tham gia hoạt động san gạt, lu lèn như máy lu, máy ủi phải thực hiện việc đăng kiểm, đảm bảo chất lượng.

- Tại cổng ra vào công trường (cạnh khu vực lán trại phục vụ quá trình thi công dự án) bố trí khu vực rửa xe và thiết bị thi công trước khi ra khỏi công trường.

- Khu vực để vật liệu phải quét dọn sạch trước khi đưa vật liệu về bãi tập kết để hạn chế phát tán bụi từ quá trình bốc xếp, trút đổ...

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí 2 thùng đựng rác 500 lit/thùng tại khu lán trại và tiến hành thu gom, quét dọn hàng ngày sau giờ làm việc; **hợp đồng với đơn vị** thu gom rác địa phương thu gom đưa đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Yêu cầu cán bộ, công nhân khi tham gia thi công thực hiện tốt công tác phân loại, không xả rác thải bừa bãi và giữ vệ sinh chung.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Lượng chất thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng (gồm: đất bóc phong hóa, cát, đá, bê tông rơi vãi) được thu gom và vận chuyển đi đổ thải tại khu vực bãi thải đúng theo quy định.

- Các loại chất thải rắn như bìa catton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Thực vật phát quang được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định.

- Đất dư thừa từ quá trình bóc phong hóa nền được chủ đầu tư tận dụng trồng cây và đắp tôn nền khu vực khuôn viên cây xanh dự án.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị 02 thùng chứa (dung tích 0,5 m³/thùng chứa chất thải lỏng nguy hại; 02 thùng chứa (thể tích 0,5m³/thùng) chứa chất thải rắn nguy hại, các thùng được dán nhãn mác, có nắp đậy để lưu giữ theo đúng quy định tại khu vực lán trại.

- Kết thúc quá trình thi công xây dựng, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

4.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

a. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Không vận hành các phương tiện có mức ồn lớn cùng lúc, bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị chống ồn cho công nhân thi công.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm tới mức thấp nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường không quá 5,0 km/h;

- Hạn chế các xe tải trọng lớn và các thiết bị gây ồn, rung lớn hoạt động vào ban đêm (từ 18h - 6h) và giờ nghỉ ngơi của người dân vào buổi trưa (từ 11h30 đến 13h30).

b. Biện pháp giảm thiểu độ rung

- Hạn chế vận hành những máy móc thiết bị đồng thời gần các khu dân cư;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải

- Bố trí hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải tách riêng với hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ.

- Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống cống rãnh, qua các hố gas để lắng cặn, chảy ra thoát ra hệ thống thoát nước dọc tuyến đường đại lộ Hùng Vương.

- Nước thải phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên và khách giao dịch tại dự án được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, bể lắng; sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung (XLNTTT) của Dự án (công suất 15m³/ngày.đêm) để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra tuyến mương phía Tây dự án, dọc tuyến đường đại lộ Hùng Vương, sau đó thoát ra sông nhà Lê.

- Công nghệ xử lý nước thải của hệ thống XLNTTT:

Nước thải sau bể tự hoại → bể lắng, điều hòa → bể lọc kỵ khí → bể lọc hiếu khí → lắng, khử trùng → tuyến mương phía Tây dự án dọc tuyến đường đại lộ Hùng Vương, sau đó thoát ra sông nhà Lê.

Khi trạm XLNT tập trung gặp sự cố, nước thải được thu gom vào 01 bể sự cố xây ngầm có thể tích khoảng 35m³ (kích thước: BxLxH=2,8mx5mx2,5m, kết cấu xây gạch chi, VXM200, nền trổng thấm) được bố trí tại khu đất cây xanh, cảnh quan, cạnh hệ thống xử lý nước thải tập trung với thời gian lưu nước 02 ngày, sau đó, bơm ngược lại về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

4.2.2. Các biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

- Thiết kế và đảm bảo tỷ lệ cây xanh trồng theo đúng quy hoạch, đặc biệt, trồng cây xanh xung quanh khu vực hệ thống xử lý nước thải và khu tập kết rác thải.

- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải của dự án kiên cố, có nắp đậy bằng bê tông, có ống thoát khí, nhằm hạn chế sự phát tán mùi hôi.

- Vệ sinh hàng ngày đối với khu sân bãi, khu vực tập kết chất thải trong phạm vi của dự án.

- Tiến hành phun tưới nước làm ẩm mặt đường khu dự án trong những ngày hanh nóng. Tần suất phun 4 lần/ngày trong những ngày thời tiết nắng nóng.

- Rác thải phát sinh được thu gom, phân loại tại nguồn sau đó thuê đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo quy định với tần suất 1 ngày/lần.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 4 thùng đựng rác loại 50 lít/thùng, có nắp đậy tại sân đường nội bộ, 20 thùng đựng rác loại 5-10 lít/thùng, có nắp đậy tại khu vực nhà thương mại dịch vụ, nhà nghỉ ca, nhà vệ sinh. Hàng ngày, rác thải

được tập kết vào 2 thùng rác (loại 240 lít/ thùng) có nắp đậy và có bánh xe đặt trong nhà chứa chất thải rắn (bố trí cạnh bãi đỗ xe phía Tây Nam dự án); định kỳ 1 lần/ngày, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Chấ thải từ hoạt động hoạt động trưng bày, kinh doanh của Dự án:

+ Các loại chất thải rắn như bìa carton, hộp nhựa,... được thu gom hàng ngày vào 01 thùng rác (loại 240 lít/ thùng) có nắp đậy và có bánh xe đặt trong nhà chứa chất thải rắn (bố trí cạnh bãi đỗ xe phía Tây Nam dự án) và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

+ Các loại chất thải còn lại được thu gom, xử lý cùng rác thải sinh hoạt.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:

Trang bị bố trí 4 thùng chứa rác thải nguy hại loại 50 lít/thùng có nắp đậy, chứa các loại chất thải nguy hại khác nhau đặt tại khu vực nhà kho chứa chất thải nguy hại (đặt cạnh nhà kho chứa chất thải rắn của dự án). Định kỳ 01 lần/năm, hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, đưa đi xử lý theo quy định.

4.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thường xuyên bảo dưỡng bôi trơn động cơ để tránh hiện tượng động cơ của máy móc thiết bị bị khô dầu khi vận hành gây ra những tiếng ồn ào khó chịu.

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị máy móc vận hành dự án nếu phát hiện hư hỏng cần có biện pháp thay thế để đảm bảo quá trình vận hành tốt.

- Trồng cây xanh theo đúng quy hoạch đã được cơ quan nhà nước phê duyệt.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Theo điểm a khoản 1 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, dự án “Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Quyết Liên” có tổng lưu lượng nước thải là 10,9 m³/ngày.đêm không thuộc đối tượng bắt buộc phải thực hiện quan trắc và giám sát môi trường.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Báo cáo UBND tỉnh có văn bản điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án so với tiến độ đã được phê duyệt tại Quyết định số 2964/QĐ-UBND ngày 06/08/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Quyết Liên tại phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.